

TÌNH HÌNH NHIỄM MÒ ĐỎ TRÊN ĐÀN GÀ NHIỀU NGÓN NUÔI THẢ VƯỜN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÁI NGUYÊN, SỬ DỤNG NƯỚC CHIẾT SẢ, MẦN TƯỚI ĐIỀU TRỊ

Phạm Diệu Thùy, Dương Thị Hồng Duyên,
Trần Nhật Thăng, Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Hữu Hòa*
Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
*Tác giả liên hệ email: phamdieuthuy@tuaf.edu.vn

TÓM TẮT

Kết quả kiểm tra 350 con gà nhiều ngón nuôi tại Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên cho thấy có 102 con (chiếm tỷ lệ 29,14%) bị nhiễm mò đỏ. Gà bị nhiễm chủ yếu với cường độ < 5 ô mò/gà (70,59%); gà dưới 3 tháng tuổi có tỷ lệ nhiễm mò đỏ thấp nhất (20,00%), gà trên 6 tháng tuổi có tỷ lệ nhiễm cao nhất (36,51%); gà nuôi trong các tháng 1- 6 nhiễm 32,78%; gà nuôi trong các tháng 7-12 nhiễm 25,29%; tính biệt không ảnh hưởng đến tỷ lệ nhiễm mò đỏ trên gà. Thử nghiệm các loại chất chiết thảo dược với đậm độ khác nhau cho thấy: nước chiết mần tưới với đậm độ 3 (70 gram mần tưới + 500 ml nước, sắc đến khi còn 300 ml) có hiệu lực diệt mò đỏ trên gà hiệu quả nhất với 100% số gà khỏi bệnh.

Từ khóa: Gà, mò đỏ, chất chiết thảo dược, sả, mần tưới.

Situation of red mite infection in free range podydactyl chickens raised at Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry, using cymbopogon and eupatorium fortunei extract for treatment

*Pham Dieu Thuy, Duong Thi Hong Duyen,
Tran Nhat Thang, Nguyen Thi Ngan, Nguyen Huu Hoa*

SUMMARY

The result of testing 350 polydactyl chickens raised at Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry showed that there were 102 chickens (accounting for 29.14%) infected with red mites; the infected chickens mainly had <5 red mite nests per chicken (70.59%). Chickens under 3 months old had the lowest rate of red mite infection (20.00%), while chickens over 6 months of age had the highest infection rate (36.51%). Chickens raised in the months from January to June were infected with 32.78%, chickens raised in the months from July to December were infected with 25.29%. Male and female chickens did not affect the rate of red mite infection. The result of testing different types of herbal extracts with different concentrations showed that mangrove extracts with concentration 3 (70 grams of watered mangroves + 500 ml of water, boiled until 300 ml remained) was effective in killing red mites on chickens, with 100% of disease-free chickens.

Keywords: Chickens, red mites, herbal extracts, cymbopogon, eupatorium fortunei.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mò đỏ (*Eutrombicula whichmanni*, *Neoschoengastia gallinarum*) là ngoại ký sinh trùng. Mò đỏ trưởng thành sống ở ngoại cảnh, nhưng ấu trùng mò đỏ (sau đây gọi tắt là “mò đỏ”)

ký sinh ở da, tổ chức dưới da của gà và các loài động vật có vú. Tại nơi ký sinh, mò đỏ hút máu vật chủ, tiết độc tố làm ký chủ rất ngứa, tạo ra các nốt viêm, sưng, loét, làm con vật ăn, ngủ kém, thiếu máu và gầy yếu. Ngoài ra, bệnh còn làm cho gà có khả năng cảm nhiễm nhiều bệnh khác

do sức đề kháng giảm. Bệnh thường kéo dài, âm ỉ, làm hạn chế sự sinh trưởng, phát triển của gà, tăng tiêu tốn thức ăn, thuốc điều trị, công chăm sóc... gây thiệt hại về kinh tế cho người chăn nuôi. Cho đến nay, ở Việt Nam vẫn còn rất ít công trình nghiên cứu về mô đồ ký sinh trên gà thả vườn và đặc điểm dịch tễ bệnh do mô đồ gây ra, đồng thời việc nghiên cứu sử dụng thảo mộc, thay thế các loại hóa chất độc hại đang được dùng để xua đuổi hoặc diệt côn trùng còn rất hạn chế. Vì vậy, việc nghiên cứu sử dụng nước chiết sả và màn tưới để diệt mô đồ ký sinh trên gà là cần thiết.

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Gà nhiều ngón ở các lứa tuổi khác nhau nuôi thả vườn tại Trại chăn nuôi gia cầm, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

- Bệnh mô đồ ở gà
- Nước chiết màn tưới và sả ở các đậm độ khác nhau.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Địa điểm lấy mẫu: Trại chăn nuôi gia cầm - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

- Địa điểm xét nghiệm mẫu và bào chế nước chiết thảo mộc: Phòng thí nghiệm - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

- Thời gian nghiên cứu: tháng 1 - tháng 12 năm 2023.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Xác định tỷ lệ nhiễm mô đồ trên gà

Xác định tỷ lệ nhiễm mô đồ trên cơ thể gà bằng cách quan sát từng gà để phát hiện các ổ mô đồ. Đánh giá kết quả: gà có 1 ổ mô/gà trở lên đều được xác định gà bị nhiễm mô đồ.

Cường độ nhiễm mô: được xác định bằng cách đếm số lượng ổ mô/gà.

2.3.2. Bào chế nước chiết sả và màn tưới

Bào chế nước sắc sả và nước sắc cây

màn tưới với đậm độ khác nhau, mỗi loại dược liệu sắc ở 3 đậm độ. Sả (lá, thân, củ) và màn tưới (lá, thân cây) trước khi sắc được cắt dài từ 2 - 3 cm, sử dụng nước sạch để sắc.

Theo Nguyễn Quang Tính (2014), tùy theo tính chất tác dụng của vị thuốc mạnh hay yếu ta có thể cho nước theo tỷ lệ: với những thuốc tác dụng không mạnh thì tỷ lệ thuốc/nước là 1/10. Căn cứ vào các công trình nghiên cứu về tác dụng của sả và màn tưới, chúng tôi bào chế nước sắc sả và màn tưới theo tỷ lệ trên, nhưng ở các đậm độ như sau:

- Đậm độ 1: 30 gram sả hoặc 30 gram màn tưới + 500 ml nước, đun sôi rồi cho nhỏ lửa đến khi còn 300 ml.

- Đậm độ 2: 50 gram sả hoặc 50 gram màn tưới + 500 ml nước, đun sôi rồi cho nhỏ lửa đến khi còn 300 ml.

- Đậm độ 3: 70 gram sả hoặc 70 gram màn tưới + 500 ml nước, đun sôi rồi cho nhỏ lửa đến khi còn 300 ml.

* *Lưu ý*: Sắc trong ấm kín (kín cả phần nắp và vòi ấm) để tinh dầu trong sả và màn tưới không thoát ra ngoài).

2.3.3. Sử dụng nước chiết sả, màn tưới để điều trị mô đồ cho gà

Mỗi đậm độ nước sắc sử dụng để điều trị mô đồ cho 5 gà, sau đó chọn ra loại nước sắc có hiệu quả nhất để điều trị cho số gà nhiễm mô đồ còn lại.

Cách sử dụng nước sắc trị mô đồ: Nước sắc sau khi đun để nguội tự nhiên trong ấm kín rồi mới sử dụng. Dùng bình xịt nước sắc trực tiếp vào vị trí có mô đồ ký sinh trên gà (với liều 1ml/ổ mô).

Đánh giá kết quả: Sau khi dùng nước sắc 5 ngày, kiểm tra lại để xác định hiệu lực trị mô của mỗi loại nước sắc bằng cách đếm lại số ổ mô còn lại/gà. Nếu gà không còn mô đồ thì đánh giá nước sắc có hiệu lực điều trị hiệu quả đối với mô.

2.3.4. Xử lý số liệu

Số liệu thu được được xử lý trên phần mềm Excel 2016 và Mintab 16.0.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Một số đặc điểm dịch tễ bệnh mò đở trên gà nhiều ngón nuôi thả vườn tại Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

3.1.1. Nhiễm mò đở trên đàn gà nhiều ngón

Kiểm tra 350 gà nuôi tại Trại chăn nuôi gia cầm, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên để xác định tỷ lệ và cường độ nhiễm mò đở, kết quả được thể hiện qua bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ và cường độ nhiễm mò đở ở gà nhiều ngón nuôi thả vườn

Địa điểm	Số gà kiểm tra (con)	Số gà nhiễm (con)	Tỷ lệ nhiễm (%)	Cường độ nhiễm (Số ổ mò/gà)					
				≤ 5		> 5-10		> 10	
				n (con)	Tỷ lệ (%)	n (con)	Tỷ lệ (%)	n (con)	Tỷ lệ (%)
Khu vực 1	200	59	29,5 ^a	42	71,19	12	20,34	5	8,47
Khu vực 2	150	43	28,7 ^a	30	69,77	11	25,58	2	4,65
Tính chung	350	102	29,14	72	70,59	23	22,55	7	6,86

Ghi chú: Theo cột dọc, các số mang chữ cái giống nhau thì không có sự sai khác nhau rõ rệt với $P > 0,05$

Kết quả bảng 1 cho thấy:

- Về tỷ lệ nhiễm: trong 350 gà kiểm tra có 102 gà nhiễm mò đở (chiếm tỷ lệ 29,14%), tỷ lệ nhiễm ở 2 khu vực chăn nuôi không có sự khác nhau rõ rệt (29,50% so với 28,70%; $P > 0,05$).

- Về cường độ nhiễm: Gà bị nhiễm chủ yếu ở mức nhẹ (≤ 5 ổ mò/gà; 70,59%) và trung bình ($> 5-10$ ổ mò/gà; 22,55%); chỉ có 6,86% số gà nhiễm ở mức > 10 ổ mò/gà.

Do đặc tính sinh học, mò trưởng thành sống, phát triển và sinh sản mạnh nhất ở những nơi có đất mùn, rác, thảm thực vật, có đất bề mặt ẩm ướt. Hai khu vực nuôi gà nhiều ngón cũng có các điều kiện nói trên, nên thuận lợi cho mò đở phát triển ở ngoại cảnh, từ đó ấu trùng xâm nhập vào

gà. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Lan và cs. (2017): tỷ lệ nhiễm mò đở trên gà nuôi tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh là 50,91%.

3.1.2. Tỷ lệ và cường độ nhiễm mò đở theo tuổi gà

Theo Nguyễn Thị Kim Lan (2012), lứa tuổi của vật nuôi là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến tính cảm thụ đối với bệnh ký sinh trùng. Vì vậy, tỷ lệ và cường độ nhiễm mò đở ở gà theo tuổi là chỉ tiêu xác định gà ở lứa tuổi nào dễ cảm nhiễm bệnh mò đở nhất để có biện pháp phòng, trị thích hợp. Kết quả về tỷ lệ và cường độ nhiễm mò đở ở gà thả vườn theo lứa tuổi được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Tỷ lệ và cường độ nhiễm mò đở ở gà nhiều ngón theo lứa tuổi

Tuổi gà (tháng)	Số gà kiểm tra (con)	Số gà nhiễm (con)	Tỷ lệ nhiễm (%)	Cường độ nhiễm (Số ổ mò/gà)					
				≤ 5		> 5-10		> 10	
				n (con)	Tỷ lệ (%)	n (con)	Tỷ lệ (%)	n (con)	Tỷ lệ (%)
< 3	105	21	20,00 ^a	17	80,95	4	19,05	0	0,00
3-6	119	35	29,41 ^b	26	74,29	8	22,86	1	2,86
> 6	126	46	36,51 ^c	29	63,04	11	23,91	6	13,04
Tính chung	350	102	29,14	72	70,59	23	22,55	7	6,86

Ghi chú: Theo cột dọc, các số mang chữ cái khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê với $P < 0,05$.

Kết quả bảng 2 cho thấy:

- Về tỷ lệ nhiễm mò: lứa tuổi có ảnh hưởng khá rõ rệt đến tỷ lệ nhiễm mò ở gà thả vườn, tỷ lệ nhiễm cao nhất ở gà trên 6 tháng tuổi (36,51%), sau đó đến gà 3 - 6 tháng tuổi (29,41%) và thấp nhất ở gà < 3 tháng tuổi (20,00%). Sự khác nhau về tỷ lệ nhiễm mò ở các lứa tuổi của gà rất rõ rệt ($P < 0,05$).

- Về cường độ nhiễm mò: cường độ nhiễm mò tăng dần lên ở các lứa tuổi gà: cường độ nhiễm mò tăng nhất thấy ở gà trên 6 tháng tuổi, sau đó đến gà 3 - 6 tháng tuổi và nhẹ nhất ở gà dưới 3 tháng tuổi. Sở dĩ có sự khác nhau này là do: tuổi gà càng cao thì gà càng có nhiều thời gian tiếp xúc với môi trường sống có ấu trùng mò, ấu trùng mò có nhiều cơ hội xâm nhập và ký sinh.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Lan và cs. (2017): Tỷ lệ nhiễm mò ở trên gà nuôi tại Cẩm Phá, Quảng Ninh cao nhất ở gà từ 6 tháng tuổi trở lên (73,89%), sau đó đến gà 3 - 6 tháng tuổi (47,01%) và thấp nhất ở gà < 3 tháng tuổi (30,64%).

3.1.3. Tỷ lệ và cường độ nhiễm mò theo thời gian trong năm

Thời tiết, khí hậu là một trong những yếu tố có ảnh hưởng khá rõ rệt đến tỷ lệ và cường độ nhiễm ký sinh trùng ở vật nuôi. Đối với mò, do có các giai đoạn sống và phát triển ở ngoại cảnh nên chúng chịu tác động của điều kiện tự nhiên rõ rệt. Vì vậy, chúng tôi đã xác định tỷ lệ và cường độ nhiễm mò ở gà nhiều ngón thả vườn theo thời gian trong năm. Kết quả thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Tỷ lệ và cường độ nhiễm mò ở gà theo thời gian trong năm

Thời gian trong năm 2023 (tháng)	Số gà kiểm tra (con)	Số gà nhiễm (con)	Tỷ lệ nhiễm (%)	Cường độ nhiễm (Số ổ mò/gà)					
				≤5		> 5-10		> 10	
				n (con)	Tỷ lệ (%)	n (con)	Tỷ lệ (%)	n (con)	Tỷ lệ (%)
1 - 6	180	59	32,78 ^a	37	62,71	17	28,81	5	8,47
7 - 12	170	43	25,29 ^b	35	81,40	6	13,95	2	4,65
Tính chung	350	102	29,14	72	70,59	23	22,55	7	6,86

Ghi chú: Theo cột dọc, các số mang chữ cái khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê với $P < 0,05$.

Kết quả bảng 3 cho thấy: gà nuôi ở các thời gian khác nhau có tỷ lệ nhiễm mò khác nhau, từ tháng 1 đến tháng 6, gà có tỷ lệ nhiễm là 32,78%, từ tháng 7 đến tháng 12 gà có tỷ lệ nhiễm là 25,29%, sự khác nhau này rõ rệt ($P < 0,05$). Về cường độ nhiễm: gà theo dõi từ tháng 1 đến tháng 6 có cường độ nhiễm trung bình và nặng cao hơn so với gà ở nuôi ở thời gian còn lại trong năm.

Sở dĩ tỷ lệ và cường độ nhiễm mò ở gà thả vườn khác nhau giữa các thời gian trong năm là do đầu năm, thời tiết ẩm áp, ẩm ướt của mùa xuân tạo nên thảm thực vật hoai mục, đồng thời là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển và sinh sản của mò trưởng thành ở ngoại cảnh, vì vậy mò sinh sản nhiều, tạo ra nhiều ấu trùng mò. Số

lượng ấu trùng mò tăng cao làm cho tỷ lệ, cường độ nhiễm mò ở gà tăng cao. Thời tiết cuối năm khô hanh, không thuận lợi cho sự phát triển và sinh sản của mò trưởng thành. Vì vậy, tỷ lệ và cường độ nhiễm mò ở gà giảm vào thời gian này. Như vậy, thời gian có ảnh hưởng rõ rệt đến tỷ lệ và cường độ nhiễm mò ở đàn gà theo dõi.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Circella E. và cs. (2011).

3.1.4. Tỷ lệ và cường độ nhiễm mò ở gà trống và gà mái

Kiểm tra tỷ lệ và cường độ nhiễm mò ở gà trống và gà mái, kết quả thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Tỷ lệ và cường độ nhiễm mò đồ ở gà trống và gà mái

Tinh biệt	Số gà kiểm tra (con)	Số gà nhiễm (con)	Tỷ lệ nhiễm (%)	Cường độ nhiễm (Số ổ mò/gà)					
				≤5		> 5-10		> 10	
				n (con)	Tỷ lệ (%)	n (con)	Tỷ lệ (%)	n (con)	Tỷ lệ (%)
Trống	150	43	28,67 ^a	34	79,07	12	27,91	3	6,98
Mái	200	59	29,50 ^a	38	64,41	11	18,64	4	6,78
Tính chung	350	102	29,14	72	70,59	23	22,55	7	6,86

Ghi chú: Theo cột dọc, các số mang chữ cái giống nhau thì không có sự sai khác nhau rõ rệt với $P > 0,05$.

Kết quả bảng 4 cho thấy: Tỷ lệ nhiễm mò đồ ở gà trống là 28,67%; ở gà mái là 29,50%; tỷ lệ này không có sự sai khác nhau rõ rệt ($P > 0,05$). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Huber K. và cs. (2011).

3.2. Nghiên cứu sử dụng nước chiết sả và màn tươi điều trị mò đồ trên gà

Chúng tôi đã sử dụng nước chiết sả và màn tươi ở các đậm độ khác nhau để trị mò đồ cho gà nhiều ngón, nhằm xác định loại dược liệu nào có

tác dụng trị mò đồ tốt nhất và ở đậm độ nào thì các loại nước chiết có tác dụng diệt mò đồ tốt và an toàn đối với gà.

3.2.1. Thử nghiệm tác dụng trị mò đồ của nước chiết đậm độ 1 trị mò đồ cho gà

Thử nghiệm sử dụng nước chiết sả và màn tươi đậm độ 1 để trị cho gà (30 gram sả/màn tươi + 500ml nước, sắc còn 300 ml). Kết quả được trình bày ở bảng 5.

Bảng 5. Tác dụng diệt mò đồ của nước chiết đậm độ 1

Loại nước chiết	Trước sử dụng		Sau sử dụng 5 ngày		Hiệu lực diệt mò đồ		Biểu hiện của gà sau sử dụng
	Số gà nhiễm mò (con)	Số ổ mò/gà	Số gà nhiễm mò (con)	Số ổ mò/gà	Số gà sạch mò (con)	Hiệu lực điều trị (%)	
Sả	5	2 - 12	4	2 - 5	1	20	Không có biểu hiện khác thường
Màn tươi	5	2 - 11	3	2 - 4	2	40	Không có biểu hiện khác thường

Kết quả bảng 5 cho thấy: Hai loại nước chiết có tác dụng trị mò đồ với hiệu quả khác nhau, cụ thể như sau:

- Sử dụng nước chiết sả đậm độ 1 cho 5 gà bị nhiễm mò với cường độ nhiễm là 2- 12 ổ mò/gà, sau 5 ngày kiểm tra chỉ thấy có 1 gà sạch mò, hiệu lực điều trị đạt 20%.

- Sử dụng nước chiết màn tươi đậm độ 1 cho 5 gà bị nhiễm mò với cường độ nhiễm là 2 -11 ổ mò/gà, sau 5 ngày kiểm tra thấy có 2 gà sạch mò, hiệu lực điều trị đạt 40%.

Cả 10 con gà sau khi dùng nước chiết đều

không có biểu hiện gì khác thường.

Như vậy, cả 2 loại nước chiết sả và màn tươi bào chế ở đậm độ 1 đều có hiệu lực trị mò đồ rất thấp (20% và 40%).

3.2.2. Thử nghiệm tác dụng trị mò đồ của nước chiết đậm độ 2

Sau khi thử nghiệm nước chiết với đậm độ 1, chúng tôi tiếp tục sử dụng nước chiết sả, màn tươi đậm độ 2 cho gà (50 gram sả/màn tươi + 500 ml nước, sắc còn 300 ml), kết quả được trình bày ở bảng 6.

Bảng 6. Tác dụng diệt mò của nước chiết đậm độ 2

Loại nước chiết	Trước sử dụng		Sau sử dụng 5 ngày		Hiệu lực diệt mò đồ		Biểu hiện của gà sau sử dụng
	Số gà nhiễm mò (con)	Số ổ mò/gà	Số gà nhiễm mò (con)	Số ổ mò/gà	Số gà sạch mò (con)	Hiệu lực điều trị (%)	
Sả	5	2 - 13	3	3 - 7	2	40	Không có biểu hiện khác thường
Mần tươi	5	2 - 13	2	4 và 6	3	60	Không có biểu hiện khác thường

Bảng 6 cho thấy:

- Sử dụng nước chiết sả đậm độ 2 cho 5 gà, sau 5 ngày có 2 gà sạch mò, hiệu lực trị mò đạt 40%. Có 3 gà vẫn còn 3 - 7 ổ mò/cơ thể.

- Sử dụng nước chiết manners tươi đậm độ 2 cho 5 gà, sau 5 ngày có 3 gà sạch mò, hiệu lực trị mò đạt 60%.

Như vậy, với đậm độ 2, nước chiết sả và manners tươi có tác dụng diệt mò đồ trên gà tốt hơn so với đậm độ 1.

Cả 10 gà sau khi dùng nước chiết đậm độ 2 đều không có biểu hiện khác thường.

3.2.3. Thử nghiệm tác dụng trị mò đồ của nước chiết đậm độ 3

Sau khi thử nghiệm nước chiết đậm độ 2, chúng tôi tiếp tục sử dụng nước chiết sả, manners tươi đậm độ 3 (70 gram sả/manners tươi + 500 ml nước, sắc còn 300 ml) trị mò đồ cho gà. Kết quả được trình bày ở bảng 7.

Bảng 7. Tác dụng diệt mò đồ của nước chiết đậm độ 3

Loại nước chiết	Trước sử dụng		Sau sử dụng 5 ngày		Hiệu lực diệt mò		Biểu hiện của gà sau sử dụng
	Số gà nhiễm mò (con)	Số ổ mò/gà	Số gà nhiễm mò (con)	Số ổ mò/gà	Số gà sạch mò (con)	Hiệu lực điều trị (%)	
Sả	5	6 - 12	2	2 và 5	3	60	Không có biểu hiện khác thường
Manners tươi	5	6 - 14	0	0	5	100	Không có biểu hiện khác thường

Kết quả bảng 7 cho thấy: Hai loại nước chiết sả và manners tươi ở đậm độ 3 có tác dụng diệt mò đồ tốt hơn so với đậm độ 1 và 2. Trong đó nước chiết manners tươi có hiệu lực trị mò đạt 100%, nước chiết sả có hiệu lực trị mò đạt 60%. Như vậy, nước chiết manners tươi bào chế ở đậm độ 3 có tác dụng trị mò đồ tốt cho gà. Cả 10 gà đều an toàn sau khi điều trị.

3.2.4. Sử dụng nước chiết manners tươi ở đậm độ 3 trị mò đồ cho gà

Sau khi xác định được nước chiết manners tươi

ở đậm độ 3 (70 gram manners tươi + 500 ml nước, sắc còn 300 ml) có hiệu quả nhất trong trị mò đồ cho gà, chúng tôi đã sử dụng nước chiết ở đậm độ này cho số gà mắc mò đồ còn lại. Kết quả được thể hiện ở bảng 8.

Kết quả bảng 8 cho thấy: dùng nước chiết manners tươi đậm độ 3 để điều trị cho 66 gà bị mò đồ, cả 66 gà đều khỏi, hiệu lực điều trị đạt 100%, tất cả gà sau khi dùng nước chiết đều an toàn, không có biểu hiện bất thường.

Bảng 8. Kết quả trị mò đỏ cho gà bằng nước chiết mần tươi đậm độ 3

Địa điểm	Số gà điều trị (con)	Số gà khỏi (con)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ an toàn (%)
Khu vực 1	37	37	100	100
Khu vực 2	29	29	100	100
Tính chung	66	66	100	100

Như vậy, dùng nước chiết mần tươi ở đậm độ 3 (70 gram mần tươi + 500 ml nước, sắc còn 300 ml) có tác dụng trị mò đỏ rất tốt và an toàn với gà. Trước và sau điều trị gà vẫn ăn, uống và vận động bình thường, đồng thời không có phản ứng ở cục bộ vùng da tiếp xúc với nước chiết cũng như không có phản ứng toàn thân.

IV. KẾT LUẬN

Có 102 gà nhiều ngón (chiếm tỷ lệ 29,14%) nuôi thả vườn tại Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên bị nhiễm mò đỏ, gà bị nhiễm chủ yếu với số ổ mò đỏ <5 ổ/gà (70,59%);

Tỷ lệ nhiễm mò đỏ ở gà tăng dần theo lứa tuổi gà;

Gà nuôi trong các tháng 1-6 nhiễm mò đỏ với tỷ lệ 32,78%, gà nuôi trong các tháng 7-12 nhiễm với tỷ lệ 25,29%;

Tính biệt không ảnh hưởng đến tỷ lệ nhiễm mò đỏ trên gà;

Nước chiết mần tươi với đậm độ 3 (70 gram mần tươi + 500 ml nước, sắc cho đến khi còn 300ml) có hiệu lực diệt mò đỏ trên gà hiệu quả nhất với 100% số gà khỏi bệnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Kim Lan, 2012. *Giáo trình Kỹ sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Kim Lan, Nguyễn Thị Ngân, Phạm Diệu Thùy, Nguyễn Thị Ngọc, 2017. Nghiên cứu nhiễm mò đỏ trên gà thả vườn tại Cẩm Phả, Quảng Ninh. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, tháng 3/2017, tr. 62-68.
3. Nguyễn Quang Tính, 2014. *Giáo trình Dược liệu thú y*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
4. Circella E., Pugliese N., Todisco G., Cafiero M.A., Sparagano O.A., Camarda A., 2011. Chlamydia psittaci infection in canaries heavily infested by *Dermanyssus gallinae*. *Exp Appl Acarol*, PubMed - indexed for MEDLINE, pp. 38 - 329.
5. Huber K., Zenner L., Bicout D. J., 2011. Modelling population dynamics and response to management options in the poultry red mite *Dermanyssus gallinae* (Acari: Dermanyssidae). *Vet Parasitol*, PubMed - indexed for MEDLINE.

Ngày nhận: 11-5-2024

Ngày phản biện: 20-5-2024

Ngày đăng: 1-11-2024